TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2017/DS-PT.
Ngày: 16-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: *Bà Nguyễn Thị Kim Hường*
Các thẩm phán: *Bà Hoàng Thị Thu Hường*
Ông Phạm Đình Thi

- Thư ký phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Nàng* - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: *Bà Trần Thị Lành* - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Lê Thị V*, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn: Bà Lê Thị S (Lê Thị S1)*, sinh năm 1954.
Địa chỉ: Ấp D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
1. *Ông Nguyễn Văn T*, sinh năm 1951 (chồng bà V).
2. *Anh Nguyễn Chí L*, sinh năm 1992 (con bà V).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.
3. *Ông Trương Văn V* (chồng bà S, đã chết ngày 10/10/2016).

- *Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị S* (Lê Thị S1).

(Bà V, bà S có mặt; Ông T, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn bà Lê Thị V trình bày***: Ngày 27/3/2011 bà Lê Thị S (tự là S1) là chị ruột của bà có nhờ bà đứng ra mua thiếu vật tư nông nghiệp, bà S không có tiền trả nên hai bên thỏa thuận vay Ngân hàng để trả nợ vật tư thay cho bà S với số tiền 44.080.000 đồng, hàng tháng bà S phải giao tiền cho bà đóng lãi Ngân hàng, việc thỏa thuận hai bên có làm giấy tay. Từ khi vay đến nay bà S không thanh toán tiền gốc, bà S đóng lãi đến ngày 02/3/2014.

Nay bà yêu cầu bà S thanh toán tiền nợ gốc là 44.080.000 đồng, yêu cầu tính lãi 1%/tháng kể từ ngày 02/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- ***Bị đơn bà Lê Thị S trình bày***: Bà thừa nhận trước đây có nhờ bà V vay tiền Ngân hàng để trả nợ vật tư nông nghiệp với số tiền 44.080.000 đồng, việc cho vay hai bên có làm biên nhận. Sau khi vay bà có trả cho bà V nhiều lần tổng cộng 27.300.000 đồng, cụ thể hai lần tiền mặt là 8.000.000 đồng thông qua bà X và bà P trả và 02 chân hụi mỗi chân 1.000.000 đồng do bà V làm chủ, gồm 15 hụi viên, 15 ngày khui một lần, bà hốt được 26.000.000 đồng bà V giữ để trừ nợ, bà phải đóng hụi chết cho bà V là 30.000.000 đồng, bà đóng được 19.300.000 đồng. Sau khi khấu trừ hụi bà còn nợ bà V 16.780.000 đồng.

Nay bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà V vì bà V nhiều lần xúc phạm nhân phẩm nên số tiền đó xem như trừ xong, bà V cũng nói trước Hội đồng hòa giải ở cơ sở là đồng ý xóa nợ cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2015/DS-ST ngày 04/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V.

Buộc bà Lê Thị S (Lê Thị S1) có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị V số tiền tổng cộng là 46.621.853 đồng. Trong đó nợ gốc là 44.080.000 đồng và tiền lãi tính là 2.541.853 đồng.

Ngày 18/5/2015 bà Lê Thị S kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 118/2015/DS-PT ngày 23/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm 35/2015/DS-ST ngày 04/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện C. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện C xét xử lại theo quy định.

Ngày 19/11/2015 Tòa án huyện C thụ lý sơ thẩm lần 02 vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc đòi nợ gốc và lãi suất đối với bà Lê Thị S (S1).

- Buộc bà Lê Thị S (S1) phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà Lê Thị V tổng cộng 56.176.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 44.080.000 đồng và tiền lãi là 12.096.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 22/3/2017 bà Lê Thị S (S1) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm:

Bà S thừa nhận có vay của bà V 44.080.000 đồng nhưng đã trả được một phần vốn, còn lại 16.780.000 đồng, lãi đóng đầy đủ hàng tháng, số vốn còn lại bà V đã cam kết xóa nợ cho bà tại cuộc hòa giải tổ 7, khu phố D. Tòa án C không xem xét, giải quyết oan cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định không còn nợ bà V do bà V đã tuyên bố xóa nợ cho bà do có lỗi nói xấu ảnh hưởng uy tín của bà tại tổ 7, khu phố D.

Nguyên đơn bà V xác định có xin lỗi nhưng không tuyên bố xóa nợ như trình bày của bà S, yêu cầu giữ y án sơ thẩm, tính lãi suất 1%/tháng là đã thiệt thòi cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của người liên quan ông Trương Văn V (chồng bà S) nhưng trong suốt quá trình tố tụng không thực hiện các thủ tục tố tụng đối với ông V. Quyết định xét xử không có tên ông V là người liên quan nhưng trong Biên bản phiên tòa và Bản án, Biên bản nghị án ghi ông V là người liên quan. Hồ sơ không thể hiện ông V chết khi nào và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V; Bản án

không nhận định tư cách tham gia tố tụng của ông V liên quan trong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xác định tranh chấp không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông V. Do đó việc vi phạm này không làm ảnh hưởng nội dung vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về thực hiện thủ tục tố tụng đối với người liên quan và nhận định trong bản án theo quy định tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Các bên nguyên đơn và bị đơn thống nhất số nợ vay ngày 27/3/2011 âm lịch, thời hạn vay 12 tháng, thời gian trả đến ngày 29/7/2013 nhưng không thống nhất số tiền vốn và lãi đã trả, số tiền hiện còn nợ lại. Bị đơn bà S kháng cáo cho rằng đã được bà V xóa nợ tại hòa giải ngày 15/3/2014 của tổ 7, khu phố D.

Xét thấy việc hai bên đối chiếu nợ đến năm 2014 bà S khai còn nợ 16.780.000 đồng. Bà V không thừa nhận vốn còn lại 16.780.000 đồng mà thừa nhận tổng số tiền bà S trả sau khi vay đến khi tranh chấp là 19.250.000 đồng, bà V cũng không thừa nhận bà S đã trả lãi đầy đủ ngoài số tiền 19.250.000 đồng. Bà S không chứng minh được có cấn trừ tiền hụi vào số nợ vay như đã trình bày. Mặt khác bà S cho rằng bà đóng hụi chết 19.300.000 đồng trừ vào số tiền vay gốc nợ bà V cũng không phù hợp, bởi đóng hụi chết là trừ vào số tiền hụi đã hốt nếu có.

Do vậy không có chứng cứ để chấp nhận theo trình bày của bà S là đến tháng 3/2014 bà chỉ còn nợ bà V số tiền 16.780.000 đồng tiền vốn vay.

[3] Về kháng cáo của bà S cho rằng bà V xóa nợ cho bà S tại hòa giải tổ 7, khu phố D: bà V không thừa nhận có tuyên bố xóa nợ cho bà S tại phiên hòa giải này mà cho rằng chị em cự cãi và bà V có xin lỗi, chứ không xóa nợ do bà xúc phạm bà S. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S xác định theo tổ hòa giải xác nhận Biên bản hòa giải có cam kết xóa nợ của bà V hiện Tổ hòa giải khu phố đã làm thất lạc, chỉ có xác nhận của các thành viên hòa giải theo Đơn trình bày của bà S.

Xét thấy tại cấp sơ thẩm giải quyết vụ án lần thứ 02 thông báo cho bà S thực hiện quyền phản tố để đối trừ nghĩa vụ trả nợ nhưng bà S không thực hiện. Hiện tại Biên bản hòa giải tổ 7 khu phố D theo bà S trình bày là không còn, do khu phố làm thất lạc, xác nhận của Trưởng khu phố theo đơn bà S ngày 23/7/2015 nội dung cũng chưa thể hiện là bà V tuyên bố xóa nợ vay cho bà S. Do vậy nếu có chứng cứ về việc bà V vu khống làm mất uy tín, danh dự, nhân phẩm bà S thì bà S có quyền kiện bà V để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ luật Dân sự để đối trừ nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về số tiền nợ vốn và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bản án sơ thẩm tính sai số, chêch lệch thiệt thòi cho bị đơn 50.000 đồng. Do vậy cần được tính lại: [(44.080.000 đồng x 1%/tháng x 71 tháng = 31.296.800 đồng) - 19.250.000 đồng] = 12.046.800 đồng + 44.080.000 đồng = 56.126.800 đồng.

Từ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị S phải nộp số tiền: 56.126.800 đồng x 5% = 2.806.340 đồng.

Bà V được nhận lại 1.159.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của Cơ quan thi hành án.

- Án phí phúc thẩm: Bà S không phải chịu do bản án bị cải sửa, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S (Lê Thị S1).

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc đòi nợ gốc và lãi suất đối với bà Lê Thị S (Lê Thị S1).

- Buộc bà Lê Thị S (Lê Thị S1) phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà Lê Thị V tổng cộng 56.126.800 (Năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm) đồng. Trong đó nợ gốc là 44.080.000 đồng và lãi là 12.046.800 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà S không trả số tiền trên cho nguyên đơn thì bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị S (Lê Thị S1) phải nộp số tiền 2.806.340 (Hai triệu tám trăm lẻ sáu nghìn ba trăm bốn mươi) đồng.

Nguyên đơn bà Lê Thị V được nhận lại 1.159.000 (Một triệu một trăm năm mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 05691 ngày 10/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị S (Lê Thị S1) không phải chịu, được nhận lại 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004966 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường